

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Ban hành theo Quyết định số 2356/QĐ-ĐHBK ngày 03/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

### I. Quy định về văn bằng, ngành học

Người dự tuyển đã có bằng Đại học với chuyên ngành tốt nghiệp ngành đúng, phù hợp hoặc ngành gần hoặc ngành khác với ngành/chuyên ngành Khoa học máy tính. Mức độ “đúng, phù hợp”, “gần” và “khác” với ngành/chuyên ngành Khoa học máy tính của các đối tượng tham gia dự tuyển được quy định tại Điều 6 Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Danh mục ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, phù hợp của chương trình đào tạo (Bảng 1).

*Bảng 1. Danh mục ngành đúng, phù hợp của CTĐT*

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1.	748	Máy tính và công nghệ thông tin	
2.	74801	Máy tính	
3.	7480101	Khoa học máy tính	
4.	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
5.	7480103	Kỹ thuật phần mềm	
6.	7480104	Hệ thống thông tin	
7.	7480106	Kỹ thuật máy tính	
8.	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	
9.	7480201	Công nghệ thông tin	
10.	7480202	An toàn thông tin	

- Danh mục ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần của chương trình đào tạo (Bảng 2).

*Bảng 2. Danh mục ngành gần của CTĐT*

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1.	7140210	Sư phạm Tin học	
2.	7140209	Sư phạm Toán học	
3.	7460107	Khoa học tính toán	
4.	7460112	Toán ứng dụng	

5.	7460117	Toán tin	
6.	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác có thể được điều chỉnh hàng năm do Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa phụ trách chương trình đào tạo.

Việc đánh giá ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác đối với thí sinh dự tuyển dựa trên chương trình đào tạo Đại học mà đối tượng dự tuyển đã tốt nghiệp. Thí sinh nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp và bảng điểm để Hội đồng Khoa xem xét trình Hiệu trưởng quyết định.

## II. Quy định về kinh nghiệm nghề nghiệp

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp hoặc người có bằng tốt nghiệp ngành gần, đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự tuyển không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn.

## III. Quy định về học bổ sung kiến thức

Thí sinh thuộc nhóm ngành đúng và phù hợp không cần học bổ sung kiến thức.

Thí sinh thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Bảng 3. Học phí đối với các học phần bổ sung theo mức quy định đối với học phí đại học.

*Bảng 3. Các học phần bổ sung cho thí sinh thuộc nhóm chuyên ngành gần*

Tên ngành gần	Các học phần phải học bổ sung	
	Tên học phần	Số TC
Su phạm Tin học;	Kỹ thuật lập trình	2
Su phạm Toán học;	Toán rời rạc	2
Khoa học tính toán;		
Toán ứng dụng;		
Toán ứng dụng;		
Toán tin;		
Hệ thống thông tin quản lý		
Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông		

## IV. Môn thi tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 1091/QĐ-ĐHĐN ngày 29/02/2016 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng.

*Bảng 4. Các môn thi tuyển sinh*

Môn thi	Môn thi tuyển	Hình thức thi
Ngoại ngữ	Thí sinh được chọn một	Theo quy định chung của Đại học

	trong các ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung	Đà Nẵng
Môn chủ chốt	Toán rời rạc	Tự luận
Môn cơ sở ngành	Kỹ thuật lập trình	Tự luận